

# PHIẾU DỮ LIỆU AN TOÀN

## 1. Nhận dạng

Mã định danh sản phẩm	DEVCON® Cleaner Blend 300
Các hình thức nhận dạng khác	
SKU#	19510
Công dụng đề nghị	Không có dữ liệu.
Các giới hạn đề nghị	Chưa được biết.
Thông tin về Nhà Sản Xuất/Nhập Khẩu/Cung Cấp/Phân Phối	
Tên công ty	ITW Performance Polymers
Địa chỉ	Bay 150 Shannon Industrial Estate Co. Clare Ailen V14 DF82
Người Liên Hệ	Customer Service
Số Điện Thoại	353(61)771500 353(61)471285
Email	customerservice.shannon@itwpp.com
Số điện thoại khẩn cấp	44(0) 1235 239 670 (24 giờ )

## 2. Nhận diện các hiểm họa

Hiểm Họa Vật Lý	Chất lỏng dễ cháy	Loại 3
Hiểm Họa Cho Sức Khỏe	Ăn mòn/kích ứng da	Loại 3
	Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng	Loại 2A
	Gây mẫn cảm, da	Loại 1
	Độc tích sinh sản	Loại 1
Các hiểm họa cho môi trường	Nguy hiểm cho môi trường nước, hiểm họa cấp	Loại 2
	Nguy hiểm cho môi trường nước, hiểm họa lâu dài	Loại 2

### Các thành phần của nhãn



#### Từ cảnh báo

Nguy hiểm

#### Công bố hiểm họa

Chất lỏng và hơi dễ cháy. Gây kích ứng da nhẹ. Có thể gây phản ứng dị ứng da. Gây kích ứng mắt nghiêm trọng. Có thể có hại đến khả năng sinh sản hoặc trẻ chưa sinh. Độc cho các sinh vật thủy sinh. Độc cho các sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

#### Thông điệp đề phòng Phòng Ngừa

Lấy hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng. Không được thao tác nếu chưa đọc và hiểu tất cả mọi biện pháp phòng ngừa an toàn. Để xa nhiệt, bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa trần, và các nguồn gây cháy khác. Không hút thuốc. Đóng kín thùng chứa. Tiếp đất và nối điện cho dụng cụ đựng và thiết bị tiếp nhận. Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng/chống nổ. Sử dụng các dụng cụ không gây ra tia lửa. Thực hiện hành động phòng ngừa phóng tĩnh điện. Tránh hít sương/hơi. Rửa kỹ sau khi thao tác. Không được phép mang quần áo lao động bị nhiễm hóa chất ra khỏi nơi làm việc. Tránh phát thải ra môi trường. Sử dụng găng tay bảo hộ/phương tiện bảo vệ mắt/mặt.

#### Ứng phó

KHI BỊ DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo đã bị nhiễm. Rửa da bằng nước. NẾU BỊ VẮNG VÀO MẮT: Rửa cẩn thận với nước trong nhiều phút. Lấy kính tiếp xúc ra, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa. NẾU phơi nhiễm hoặc lo ngại: Tìm tư vấn/chăm sóc y tế. Nếu bị kích ứng da hoặc nổi mụn: Tìm bác sĩ hướng dẫn/chăm sóc. Nếu vẫn tiếp tục bị kích ứng mắt: Tìm tư vấn/chăm sóc y tế. Cởi bỏ quần áo bị ô nhiễm và đem giặt trước khi dùng lại. Trong trường hợp cháy: Sử dụng chất chữa cháy phù hợp để dập lửa. Thu gom lượng tràn đổ.

#### Bảo Quản

Bảo quản ở nơi thông khí tốt. Giữ mát. Lưu trữ trong khu vực khóa.

Thải bỏ	Thải bỏ vật liệu bên trong/thùng chứa theo quy định địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.
Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại	Chưa được biết.
Thông tin thêm	Không có.

3. Thành phần/ thông tin về các phụ liệu

Các hỗn hợp			
Tên Hóa Chất	Tên thông dụng và từ đồng nghĩa	Số CAS / Số EC	%
PROPYLEN GLYCOL MONOMETYL ETE		107-98-2 203-539-1	30-60
1-methoxy-2-acetoxyp propane	1-Methoxy-2-propylacetate	108-65-6 203-603-9	10-30
(D)-LIMONENE		5989-27-5 227-813-5	3-7
1-Propanol, 2-METHOXY-		1589-47-5 216-455-5	0.1-1
2-Methoxy-1-Propylacetate (impuritey)		70657-70-4 274-724-2	0.1-1
Các thành phần khác dưới mức có thể báo cáo			7-13

4. Các biện pháp sơ cứu

Hít phải	Đưa ra nơi không khí trong lành. Gọi cho bác sĩ nếu các triệu chứng xuất hiện hoặc kéo dài.
Tiếp xúc với da	Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn ngay lập tức và rửa sạch da bằng xà phòng và nước. Trong trường hợp bị eczema hoặc các rối loạn da khác: Tìm chăm sóc y tế và mang theo các hướng dẫn này.
Tiếp xúc với mắt	Xả sạch mắt ngay lập tức với nhiều nước trong ít nhất 15 phút. Tháo kính sát trùng, nếu có và nếu dễ tháo. Tiếp tục súc rửa. Tìm chăm sóc y tế nếu tình trạng kích ứng lan rộng và dai dẳng.
Ăn phải	Súc miệng. Tìm chăm sóc y tế nếu các triệu chứng xuất hiện.
Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm xuất hiện	Nhức đầu. Chóng mặt. Buồn nôn, nôn mửa. Tiêu Chảy. Kích ứng mắt nghiêm trọng. Các triệu chứng có thể bao gồm châm chích, chảy nước mắt, đỏ, sưng và mờ mắt. Kích ứng da nhẹ. Có thể gây phản ứng dị ứng da. Viêm da. Phát ban.
Dấu hiệu cần phải được chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt	Cung cấp các biện pháp hỗ trợ tổng quát và điều trị theo triệu chứng. Bông nhiệt: Xả bằng nước ngay lập tức. Trong khi xả, cởi bỏ quần áo không dính vào vùng bị ảnh hưởng. Gọi xe cấp cứu. Tiếp tục xả nước trong quá trình di chuyển đến bệnh viện. Theo dõi nạn nhân. Các triệu chứng có thể xuất hiện muộn.
Thông tin tổng quát	Cởi bỏ ngay lập tức quần áo bị nhiễm bẩn. Nếu phơi nhiễm hoặc lo ngại: Tìm tư vấn/chăm sóc y tế. Nếu bạn cảm thấy không được khỏe, hãy tìm tư vấn y tế (đưa nhãn cho bác sĩ xem nếu có thể). Đảm bảo rằng nhân viên y tế có nhận thức về (các) vật liệu liên quan, và thực hiện các biện pháp phòng ngừa để bảo vệ bản thân. Đưa phiếu an toàn hoá chất này cho bác sỹ phụ trách. Giặt sạch quần áo bị nhiễm bẩn trước khi sử dụng lại.

5. Các biện pháp cứu hỏa

Các chất chứa cháy phù hợp	Sương nước. Bọt chữa cháy kháng cồn. Bột hóa chất khô. cacbon dioxit (CO2).
Chất chữa cháy không phù hợp	Không dùng vòi xịt nước (water jet) để dập lửa, vì việc này sẽ làm lửa lan rộng.
Hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất	Hơi có thể tạo thành các hỗn hợp nổ với không khí. Hơi có thể di chuyển một khoảng cách khá xa đến nguồn gây cháy và bắt cháy ngược trở lại. Trong khi cháy, các khí nguy hại cho sức khỏe có thể được hình thành.
Trang bị bảo hộ đặc biệt cho nhân viên chữa cháy	Phải sử dụng bình dưỡng khí thở độc lập và trang phục bảo hộ đầy đủ trong trường hợp có cháy.
Các chỉ dẫn/trang thiết bị cứu hỏa	Trong trường hợp cháy và/hoặc nổ, không hít khói. Đưa các thùng chứa ra khỏi khu vực cháy nếu bạn có thể làm mà không có rủi ro.
Các biện pháp cụ thể	Sử dụng các quy trình chữa cháy tiêu chuẩn và xem xét nguy cơ của các vật liệu liên quan khác.
Các hiểm họa cháy nói chung	Chất lỏng và hơi dễ cháy.

6. Các biện pháp xử lý rò rỉ bất ngờ

Các biện pháp để phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp	Không để những nhân viên không liên quan tiếp cận. Giữ mọi người tránh xa khỏi khu vực tràn đổ/rò rỉ và ở đầu chiều gió. Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy (không hút thuốc, pháo sáng, tia lửa hoặc ngọn lửa trần ở các khu vực xung quanh). Mang thiết bị và quần áo bảo hộ thích hợp trong khi dọn dẹp. Tránh hít sương/hơi. Không chạm vào các thùng chứa đã hư hỏng hoặc vật liệu tràn đổ trừ khi đã mặc quần áo bảo hộ thích hợp. Thông gió cho các khu vực kín trước khi vào. Các nhà chức trách địa phương cần được thông báo nếu xảy ra sự cố tràn đổ lớn không thể kiểm soát được. Về vấn đề bảo hộ cá nhân, xin xem mục 8 của Phiếu An Toàn Hóa Chất.
---	--

<b>Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch</b>	<p>Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy (không hút thuốc, pháo sáng, tia lửa hoặc ngọn lửa trần ở các khu vực xung quanh). Để các chất dễ cháy (gỗ, giấy, dầu, v.v...) tránh xa vật liệu trần đổ. Sử dụng các biện pháp phòng ngừa phóng tĩnh điện. Chỉ sử dụng các dụng cụ không gây ra tia lửa. Ngăn chặn không để sản phẩm chảy vào hệ thống cống rãnh.</p> <p>Trần đổ Lớn: Ngăn dòng chảy vật liệu, nếu việc này không gây nguy hiểm. Quây kín vật liệu trần đổ, nếu có thể. Sử dụng vật liệu không cháy như vermiculite, cát hoặc đất để thấm hút sản phẩm và cho vào thùng chứa để xử lý thải bỏ sau. Sau khi thu gom sản phẩm, dùng nước xả sạch khu vực.</p> <p>Trần đổ Nhỏ: Thấm hút bằng đất, cát hoặc vật liệu không cháy khác và cho vào thùng chứa để thải bỏ sau đó. Lau sạch bằng các vật liệu thấm hút (ví dụ như khăn, bông). Làm sạch bề mặt cần thận để loại bỏ lượng chất ô nhiễm còn lại.</p> <p>Không bao giờ cho chất trần đổ vào lại thùng chứa ban đầu để tái sử dụng. Về thải bỏ chất thải, xem mục 13 của Phiếu An Toàn Hóa Chất.</p>
<b>Các biện pháp để phòng cho môi trường</b>	<p>Tránh phát thải ra môi trường. Thông báo cho người quản lý hoặc giám sát phù hợp về tất cả các phát thải ra môi trường. Ngăn chặn rò rỉ hoặc tràn đổ thêm nếu có thể thực hiện được một cách an toàn. Tránh xả vào cống rãnh, kênh rạch hoặc xuống đất.</p>

7. Thao tác và bảo quản

<b>Các biện pháp để phòng cho thao tác an toàn</b>	<p>Lấy hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng. Không được thao tác nếu chưa đọc và hiểu tất cả mọi biện pháp phòng ngừa an toàn. Không thao tác, bảo quản hoặc mở gần nơi có ngọn lửa trần, nguồn nhiệt hay nguồn bốc cháy. Bảo vệ vật liệu tránh ánh sáng trực tiếp. Khi sử dụng không hút thuốc. Hệ thống thông gió hút toàn bộ và cục bộ chống-nổ. Sử dụng các biện pháp phòng ngừa phóng tĩnh điện. Mọi thiết bị sử dụng khi thao tác với sản phẩm đều phải được tiếp địa. Sử dụng các dụng cụ không gây ra tia lửa và thiết bị chống nổ. Tránh hít sương/hơi. Tránh tiếp xúc với mắt, da, và quần áo. Tránh phơi nhiễm kéo dài. Phụ nữ có thai và đang cho con bú không được làm việc với sản phẩm này. Nên thao tác trong các hệ thống kín, nếu có thể được. Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp. Tránh phát thải ra môi trường. Tuân thủ tốt các quy chuẩn vệ sinh công nghiệp.</p>
<b>Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi tính chất tương kỵ</b>	<p>Lưu trữ trong khu vực khóa. Tránh xa nhiệt, tia lửa và ngọn lửa trần. Ngăn chặn việc tích tĩnh điện bằng cách sử dụng các kỹ thuật liên kết (bonding) và tiếp địa thông thường. Bảo quản ở nơi mát, khô và tránh ánh nắng trực tiếp. Bảo quản đóng kín trong thùng chứa. Bảo quản ở nơi thông gió tốt. Bảo quản trong khu vực có hệ thống chữa cháy tự động sprinkler. Bảo quản xa các vật liệu không tương thích (xem Mục 10 của Phiếu An toàn Hóa chất SDS).</p>

8. Kiểm soát việc tiếp xúc / bảo hộ cá nhân

Các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp		
Hoa Kỳ. Giá trị Giới hạn Ngưỡng (TLV) theo ACGIH		
Thành phần	Loại	Giá trị
PROPYLEN GLYCOL MONOMETYL ETE (CAS 107-98-2)	STEL	100 ppm
	TWA	50 ppm
Các giá trị giới hạn sinh học	Không có giới hạn tiếp xúc sinh học nào đáng lưu ý cho (các) thành phần.	
Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp	Hệ thống thông gió hút toàn bộ và cục bộ chống-nổ. Nên sử dụng hệ thống thông gió toàn bộ. Tốc độ thông gió phải phù hợp với từng điều kiện. Nếu có, sử dụng quy trình xử lý kín, thông gió hút cục bộ, hoặc các biện pháp kỹ thuật khác để duy trì nồng độ trong không khí dưới giới hạn tiếp xúc được khuyến nghị. Nếu giới hạn tiếp xúc chưa được thiết lập, duy trì nồng độ trong không khí ở mức có thể chấp nhận. Cung cấp bồn rửa mắt.	
Các biện pháp bảo vệ cá nhân, như trang bị bảo hộ cá nhân		
Biện pháp bảo vệ mắt/mặt	Mặt nạ chống hóa chất có ống lọc hơi hữu cơ và kính che toàn bộ mặt.	
Bảo vệ da		
Bảo vệ tay	Đeo găng tay chống hóa chất thích hợp.	
Khác	Mặc quần áo chống hóa chất thích hợp. Nên sử dụng tạp dề không thấm.	
Bảo vệ đường hô hấp	Mặt nạ chống hóa chất có ống lọc hơi hữu cơ và kính che toàn bộ mặt.	
Các hiểm họa nhiệt	Sử dụng trang phục bảo hộ chống nhiệt thích hợp, khi cần thiết.	
Các lưu ý vệ sinh chung	Tuân thủ mọi yêu cầu về giám sát y tế. Khi sử dụng không hút thuốc. Luôn tuân thủ tốt các biện pháp vệ sinh cá nhân, chẳng hạn như rửa ráy sau khi thao tác với vật liệu và trước khi ăn, uống, và/hoặc hút thuốc. Thường xuyên giặt quần áo lao động và thiết bị bảo hộ để loại bỏ các chất nhiễm bẩn. Không được phép mang quần áo lao động bị nhiễm hóa chất ra khỏi nơi làm việc.	

9. Tính chất lý hóa

<b>Ngoại Quan</b>	Chất lỏng.
<b>Trạng thái vật lý</b>	Lỏng.

<b>Dạng</b>	Chất lỏng.
<b>Màu</b>	Hồ phách
<b>Mùi</b>	Tương tự Ete.
<b>Ngưỡng phát hiện mùi</b>	Không có dữ liệu.
<b>pH</b>	Không có dữ liệu.
<b>Điểm chảy/điểm đông</b>	-95.5 °C (-139.9 °F) Ước tính
<b>Điểm và vùng nhiệt độ sôi ban đầu</b>	119 °C (246.2 °F) Ước tính
<b>Điểm chớp cháy</b>	32.0 °C (89.6 °F) Ước tính
<b>Tốc độ bay hơi</b>	Không có dữ liệu.
<b>Khả năng cháy (rắn, khí)</b>	Không áp dụng.
<b>Giới hạn cháy trên/dưới hoặc các giới hạn nổ</b>	
<b>Giới hạn nổ – dưới (%)</b>	Không có dữ liệu.
<b>Giới hạn nổ – trên (%)</b>	6.1 % Ước tính
<b>Áp suất hơi</b>	12 mm Hg @ 68 F 11.67 hPa Ước tính
<b>Tỷ khối hơi</b>	Không có dữ liệu.
<b>Tỷ trọng tương đối</b>	Không có dữ liệu.
<b>(Các) độ tan</b>	
<b>Tính tan (nước)</b>	Không có dữ liệu.
<b>Hệ số phân tách (n-octanol/nước)</b>	Không có dữ liệu.
<b>Nhiệt độ tự bốc cháy</b>	237 °C (458.6 °F) Ước tính
<b>Nhiệt độ phân hủy</b>	Không có dữ liệu.
<b>Độ nhớt</b>	Không có dữ liệu.
<b>Thông tin khác</b>	
<b>Tỷ Trọng</b>	0.91 g/cm <sup>3</sup> Ước tính
<b>Các tính chất nổ</b>	Không nổ.
<b>Các tính chất oxy hóa</b>	Không oxy hóa.
<b>Khối Lượng Riêng</b>	0.91 Ước tính

## 10. Độ bền và khả năng phản ứng

<b>Khả năng phản ứng</b>	Sản phẩm ổn định và không phản ứng trong các điều kiện sử dụng, bảo quản và vận chuyển bình thường.
<b>Độ bền hóa học</b>	Vật liệu ổn định trong các điều kiện bình thường.
<b>Khả năng gây phản ứng nguy hiểm</b>	Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.
<b>Các điều kiện cần tránh</b>	Tránh nhiệt, tia lửa, ngọn lửa trần và các nguồn gây cháy khác. Tránh các nhiệt độ vượt quá điểm chớp cháy. Tiếp xúc với các vật liệu không tương thích.
<b>Các vật liệu tương kỵ</b>	Các axit mạnh. Các chất oxy hóa mạnh.
<b>Các sản phẩm phân hủy gây nguy hiểm</b>	Không sản phẩm phân hủy nguy hại nào được biết đến.

## 11. Thông tin về độc tính

### Thông tin về các lộ trình tiếp xúc có khả năng xảy ra

<b>Hít phải</b>	Hít phải kéo dài có thể có hại.
<b>Tiếp xúc với da</b>	Gây kích ứng da nhẹ. Có thể gây phản ứng dị ứng da.
<b>Tiếp xúc với mắt</b>	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
<b>Ăn phải</b>	Dự kiến là có nguy cơ khi nuốt phải thấp.
<b>Triệu chứng liên quan đến tính chất vật lý, hóa học và độc tính.</b>	Nhức đầu. Chóng mặt. Buồn nôn, nôn mửa. Tiêu Chảy. Kích ứng mắt nghiêm trọng. Các triệu chứng có thể bao gồm châm chích, chảy nước mắt, đỏ, sưng và mờ mắt. Kích ứng da nhẹ. Có thể gây phản ứng dị ứng da. Viêm da. Phát ban.
<b>Thông tin về các tác dụng độc</b>	
<b>Độc tính cấp tính</b>	Chưa được biết.

Thành phần	Loài	Kết quả thử nghiệm
(D)-LIMONENE (CAS 5989-27-5)		
<b>Cấp tính</b>		
<b>Da</b>		
LD50	Thỏ	> 5 g/kg
<b>Đường miệng</b>		
LD50	Chuột	5 g/kg
1-Propanol, 2-METHOXY- (CAS 1589-47-5)		
<b>Cấp tính</b>		
<b>Da</b>		
LD50	Thỏ	5660 mg/kg
<b>Đường miệng</b>		
LD50	Chuột	5710 mg/kg
PROPYLEN GLYCOL MONOMETYL ETE (CAS 107-98-2)		
<b>Cấp tính</b>		
<b>Da</b>		
LD50	Thỏ	13 - 14 g/kg
<b>Đường miệng</b>		
LD50	Chuột	5.71 g/kg
<b>Hít phải</b>		
LC50	Chuột	54.6000000000000014 mg/l, 4 Giờ
<b>Ăn mòn/kích ứng da</b>	Gây kích ứng da nhẹ.	
<b>Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng</b>	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.	
<b>Gây mất cảm đường hô hấp hoặc da</b>		
<b>Gây mất cảm đường hô hấp</b>	Không phải là một chất gây mất cảm đường hô hấp.	
<b>Gây mất cảm da</b>	Có thể gây phản ứng dị ứng da.	
<b>Khả năng gây đột biến tế bào mầm</b>	Không có dữ liệu nào cho thấy sản phẩm hoặc bất kỳ thành phần nào có nồng độ trên 0,1% là chất gây đột biến hoặc gây độc cho gen.	
<b>Khả năng gây ung thư</b>		
<b>Các chất gây ung thư theo Hiệp Hội Vệ Sinh Công Nghiệp Hoa Kỳ (ACGIH)</b>		
PROPYLEN GLYCOL MONOMETYL ETE (CAS 107-98-2)	A4 Không được phân loại là chất gây ung thư ở người.	
<b>Các Chuyên Khảo Của Cơ Quan Nghiên Cứu Ung Thư Quốc Tế (IARC). Đánh Giá Tổng Thể Khả Năng Gây Ung Thư</b>		
(D)-LIMONENE (CAS 5989-27-5)	3 Không thể phân loại là gây ung thư cho người.	
<b>Độc tích sinh sản</b>	Có thể có hại đến khả năng sinh sản hoặc trẻ chưa sinh.	
<b>Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau một lần tiếp xúc</b>	Không áp dụng.	
<b>Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau lần tiếp xúc lại</b>	Không được phân loại.	
<b>Hiểm họa hít phải</b>	Không phải là nguy cơ đối với đường hô hấp.	
<b>Ảnh hưởng mãn tính</b>	Hít phải kéo dài có thể có hại.	

12. Thông tin về sinh thái

<b>Độc tính sinh thái</b>	Độc cho các sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.		
<b>Độ Bền Và Khả Năng Phân Hủy</b>	Không có dữ liệu về khả năng phân hủy của bất kỳ thành phần nào trong hỗn hợp này.		
<b>Khả năng tích tụ sinh học</b>			
<b>Hệ Số Phân Tách octanol/nước log Kow</b>			
(D)-LIMONENE		4.57	
PROPYLEN GLYCOL MONOMETYL ETE		-0.49	
<b>Di chuyển trong đất</b>	Không có dữ liệu.		
<b>Các tác dụng có hại khác</b>	Thành phần này được dự kiến là không gây ra tác động bất lợi nào khác cho môi trường (ví dụ: suy giảm tầng ôzôn, khả năng tạo ozon do quang hóa, rối loạn nội tiết, khả năng gây nóng lên toàn cầu)		

### 13. Các cân nhắc khi thải bỏ

#### Các Hướng Dẫn Thải Bỏ

Thu gom và tái chế hoặc thải bỏ trong các thùng kín tại nơi xử lý chất thải được cấp phép. Không để vật liệu này chảy vào đường ống thoát nước/nguồn nước. Không gây ô nhiễm ao hồ, sông suối hoặc hệ thống mương rãnh bởi hóa chất hoặc thùng chứa đã qua sử dụng. Thải bỏ vật liệu bên trong/thùng chứa theo quy định địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.

#### Các quy định tiêu hủy của địa phương

Thải bỏ theo tất cả các quy định hiện hành.

#### Chất thải từ cặn lắng/ sản phẩm không sử dụng

Thải bỏ theo quy định của địa phương. Các thùng chứa hoặc túi lót rỗng có thể còn chứa các cặn dư của sản phẩm. Vật liệu này và thùng chứa của nó phải được thải bỏ một cách an toàn (xem: Hướng dẫn thải bỏ).

#### Bao bì bị ô nhiễm

Vì các thùng chứa dù đã hết vẫn có thể còn lại cặn dư sản phẩm, tuân theo các cảnh báo trên nhãn ngay cả khi thùng chứa đã cạn. Các thùng chứa rỗng cần được đưa đến cơ sở xử lý chất thải đã được phê duyệt để tái chế hoặc thải bỏ.

### 14. Thông tin về việc vận chuyển

#### IATA

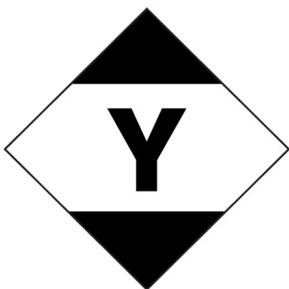
UN number	UN1993
UN proper shipping name	Flammable liquid, n.o.s. (Propylene glycol monomethyl ether), Limited Quantity
Transport hazard class(es)	
Class	3
Subsidiary risk	-
Packing group	III
Environmental hazards	No.
ERG code	3L
Special precautions for user	Read safety instructions, SDS and emergency procedures before handling.
Other information	
Passenger and cargo aircraft	Allowed with restrictions.
Cargo aircraft only	Allowed with restrictions.

#### IMDG

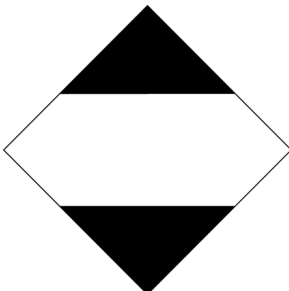
UN number	UN1993
UN proper shipping name	FLAMMABLE LIQUID, N.O.S. (Propylene glycol monomethyl ether), Limited Quantity
Transport hazard class(es)	
Class	3
Subsidiary risk	-
Packing group	III
Environmental hazards	
Marine pollutant	No.
EmS	F-E, S-E
Special precautions for user	Read safety instructions, SDS and emergency procedures before handling.

Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ Lục II của Hiệp Định MARPOL 73/78 và Quy Tắc IBC

#### IATA



#### IMDG



## 15. Thông tin về quy định

### Các quy định quốc gia

Về các biện pháp bảo vệ, hướng dẫn sử dụng và bảo quản, xin xem Phiếu An Toàn Hóa Chất. Về số lượng, ngày sản xuất, ngày hết hạn và xuất xứ hàng hóa, xin xem nhãn vận chuyển.

**Hóa chất cấm (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục III, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi**

Không có trong danh mục.

**Hóa chất Sản xuất & Kinh doanh có Điều kiện (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục I, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi**

PROPYLEN GLYCOL MONOMETHYL ETE 29094900  
(CAS 107-98-2)

**Hóa chất Phải Khai báo (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục V, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi**

PROPYLEN GLYCOL MONOMETHYL ETE 29094900  
(CAS 107-98-2)

**CWC (Nghị định số 38/2014/ND-CP, về quản lý hóa chất thuộc diện kiểm soát của công ước Cấm Phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học, Bảng 1-3, ngày 6 tháng 5 năm 2014), đã sửa đổi**

Không được quy định.

**Tiền chất ma túy (Nghị định 82/2013/ND-CP về việc Ban hành các Danh mục Chất ma túy và Tiền chất IV, đã được sửa đổi bởi Nghị định 126/2015/ND-CP, ngày 9 tháng 12 năm 2015), đã sửa đổi**

Không được quy định.

**Các Yêu Cầu về Kế Hoạch Phòng Ngừa, Ứng Phó Sự Cố & An Toàn cho Hóa Chất Nguy Hại (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục IV, Bảng 1, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi**

Không có trong danh mục.

**Các chất làm suy giảm tầng ô-dôn (ODS) (Thông tư Liên tịch số 14/2005/TTLT-BTM-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2005), đã sửa đổi**

Không được quy định.

**Hóa chất Hạn chế Sản xuất & Kinh doanh (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục II, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi**

Không có trong danh mục.

### Các quy định quốc tế

**Hiệp Ước Stockholm**

Không áp dụng.

**Hiệp Ước Rotterdam**

Không áp dụng.

**Nghị định thư Montreal**

Không áp dụng.

**Nghị định thư Kyoto**

Không áp dụng.

**Hiệp Ước Basel**

Không áp dụng.

### Các Danh Mục Quốc Tế

Quốc gia hoặc khu vực	Tên kiểm kê	Đang lưu kho (có/không)*
Ôt-xtrây-li-a	Danh mục Hóa chất Công nghiệp Úc (AICIS)	Có
Canada	Danh Sách Chất Sinh Hoạt (DSL)	Có
Canada	Danh Sách Các Chất Không Phải Sinh Hoạt (NDSL)	Không
Trung Quốc	Kiểm Kê Các Chất Hóa Học Hiện Hữu ở Trung Quốc (IECSC)	Có
Châu Âu	Danh mục Hóa Chất Thương Mại Hiện Hành của châu Âu (EINECS)	Có
Châu Âu	Danh Sách Các Chất Hóa Học Được Thông Báo của Châu Âu (ELINCS)	Không
Nhật Bản	Kiểm Kê Các Chất Hóa Học Mới và Hiện Hữu (ENCS)	Không
Hàn Quốc	Danh Sách Hóa Chất Hiện Hữu (ECL)	Có
Niu Di Lân	Kiểm Kê New Zealand	Có
Philippines	Kiểm Kê Các Hóa Chất và Chất Hóa Học (PICCS)	Có
Đài Loan	Danh Mục Hóa Chất của Đài Loan (TCSI)	Có
Hoa Kỳ và Puerto Rico	Danh Mục Theo Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc (TSCA)	Có

\*"Có" chỉ ra rằng mọi thành phần của sản phẩm này phù hợp với các yêu cầu hàng tồn kho được quản lý bởi quốc gia cai quản

"Không" cho biết một hoặc nhiều thành phần của sản phẩm không được nêu hoặc được miễn nêu trong danh mục do (các) quốc gia quản lý quản trị.

## 16. Thông tin khác, kể cả ngày soạn thảo hoặc sửa đổi

**Ngày Ban Hành** 24-Tháng-Sáu-2023

**Ngày sửa đổi** 28-Tháng-Bảy-2023

**Phiên bản số** 02

Tên vật liệu: DEVCON® Cleaner Blend 300

19510 Phiên bản số: 02 Ngày sửa đổi: 28-Tháng-Bảy-2023 Ngày Ban Hành: 24-Tháng-Sáu-2023

SDS VIETNAM

7 / 8

## Khước Từ Trách Nhiệm

ITW Performance Polymers không thể xác định trước tất cả các điều kiện mà thông tin ở đây cùng với sản phẩm của nó, hoặc sản phẩm của những nhà sản xuất khác cùng với sản phẩm của họ, có thể sẽ được sử dụng. Người dùng có trách nhiệm bảo đảm mọi điều kiện an toàn cho việc thao tác, bảo quản và thải bỏ sản phẩm này, và chịu trách nhiệm pháp lý về việc mất mát, tổn thương, thiệt hại hoặc chi phí do việc sử dụng không phù hợp gây ra. The information provided in this Safety Data Sheet is correct to the best of our knowledge, information and belief at the date of its publication. The information relates only to the specific material designated and may not be valid for such material used in combination with any other materials or in any process, unless specified in the text. The information given is designed only as a guidance for safe handling, use, processing, storage, transportation, disposal and release.